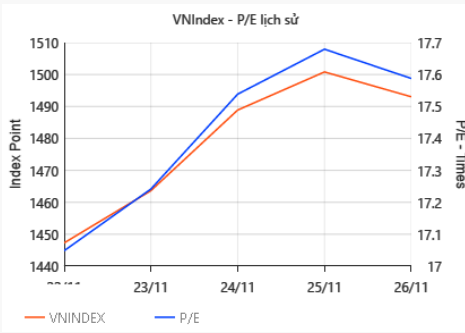


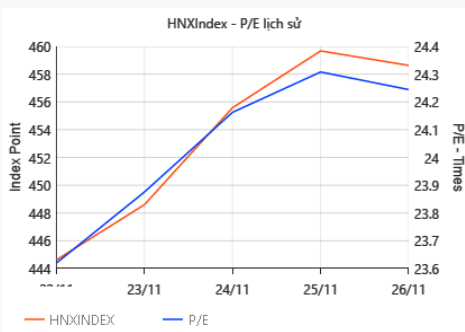


**VN-INDEX**



Điểm số	<b>1,493.03</b>
Tuần qua (WoW)	2.80%
Từ đầu năm (YTD)	35.25%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-11.13%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-6.67%
P/E	17.59
P/B	2.8

**HNX -INDEX**



Điểm số	<b>458.63</b>
Tuần qua (WoW)	1.03%
Từ đầu năm (YTD)	125.79%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-32.56%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-25.46%
P/E	24.24
P/B	2.6

**BIẾN CHỨNG COVID MỚI**

Sự xuất hiện của biến chủng mới Omicron đã tạo ra lực bán tháo mạnh tại Mỹ và Châu Âu trong ngày kích cầu mua sắm Black Friday thường niên tại các quốc gia phương Tây. Giá cả hàng hoá và đặc biệt là Dầu đã điều chỉnh mạnh. Những lo ngại là hiện hữu với thị trường Việt Nam trong bối cảnh VN-Index đã ghi nhận mức đỉnh lịch sử mới 1,500. Nhóm VN30 (cụ thể là Ngân hàng) sau khi đưa thị trường vượt mốc tâm lý đã ngay lập tức cho thấy sự suy yếu do nhiều cổ phiếu chịu lực bán chốt lời khi trở về vùng đỉnh tháng 6/2021. Mặc dù vậy với dòng tiền khá mạnh ở hiện tại, diễn biến của các thị trường quốc tế chắc chắn đã tác động mạnh tới thị trường trong nước khi mà chúng ta chưa ghi nhận sự xuất hiện của biến chủng này.

Đối với hoạt động đầu tư, vận động của cổ phiếu sẽ quan trọng hơn so với chỉ số VN-Index do nhiều mã tiềm năng hiện tại vẫn đang nằm ở nhóm Mid-cap. Các mã có tiềm năng tăng trưởng khi kinh tế phục hồi sau dịch vẫn là lựa chọn tốt.

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ**

**Danh mục Nắm giữ & Danh mục Giao dịch:** không có điều chỉnh trong tuần.

**CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH**

Thị trường đánh mất mốc 1,500 trong ngày cuối tuần và tâm lý chung không cho thấy sự hưng phấn cần thiết. Dù vẫn là một tuần tăng điểm rất tốt của VNINDEX nhưng rủi ro điều chỉnh lúc này là điều cần được dành cho tỷ trọng quan tâm lớn hơn. Trạng thái thận trọng nên tiếp tục được duy trì, với tỷ trọng cổ phiếu có thể nên được cân nhắc hạ bớt, hoặc nếu không thì ít nhất cũng không nên được mở rộng.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**
**Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	15.7%	190.9%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	14.3%	-	0.9%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	5.5%	-	26.1%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	15.0%	189.4%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	-	9.7%	46.7%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	-	7.4%	43.4%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	33.9%	53.6%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	133.9%	162.4%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	18.9%	92.2%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	58.9%	178.8%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	7.6%	-	139.4%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	39.9%	77.9%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	37.7%	77.9%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	20.8%	99.0%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	8.0%	31.4%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	-	2.6%	48.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 - 28,000	46,000	21,900	1:3	-4.3%
TNG	24/08/21	25,460 - 26,850	35,180	24,000	1:3	15.5%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	6.5%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	32.5%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	64.3%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	27.8%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	122.2%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	207.7%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	25.3%
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500	1:3	-6.3%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	98.5%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	27.0%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	31.1%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	30.5%
BCG*	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	88.5%
DIG*	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	163.6%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	41.3%
CEO*	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900	1:3	210.2%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	46.9%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	56.0%
VIC*	26/03/21	96,900-101,300	128,900	95,100	1:4.5	-2.8%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	6.6%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	12.5%
FCN	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	26.5%
PVD	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	3.1%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	136.5%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	22.2%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	48.6%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	54.1%
SAM*	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	71.9%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	51.7%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	46.4%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	37.1%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	133.9%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	145.2%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	334.7%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	230.6%

## NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Bất chấp nhiều lo ngại về khả năng điều chỉnh có thể xảy ra sau nhiều xu hướng tăng nóng được nhìn thấy trên thị trường, dòng tiền duy trì mạnh đã giúp VN-Index chính thức xác lập mức điểm cao trên 1,500 trong tuần qua dù có lực bán chốt lời diễn ra sau khi chỉ số lập đỉnh.

Sự e ngại của thị trường thể hiện khi thanh khoản suy giảm khi thị trường lập đỉnh cao mới. Chúng ta cũng có thể thấy rõ sự luân chuyển từ nhóm cổ phiếu vốn hoá nhỏ sang cổ phiếu vốn hoá lớn mà tập trung ở nhóm Ngân hàng. Tại HOSE, trong khi khối lượng giảm mạnh khoảng 11% thì giá trị giao dịch chỉ giảm khoảng 6.7%. Mức sụt giảm thanh khoản nhìn thấy rõ ràng hơn tại sàn HNX với mức giảm 32.6% về khối lượng và 25.5% về giá trị. Thanh khoản của nhóm Ngân hàng cũng đã quay trở lại trong top đầu cùng với Bất động sản sau một số tuần thậm chí còn thấp hơn nhóm Chứng khoán.

VCB +8.14% w-o-w là trụ chính đưa chỉ số vượt qua vùng kháng cự tâm lý 1,500. Thực tế việc bật tăng mạnh của VCB cũng không quá bất ngờ khi mã này đang vận động ở vùng hỗ trợ với thanh khoản cạn kiệt. Ngân hàng cùng Chứng khoán và Bất động sản là 3 ngành có mức tăng ấn tượng nhất trong tuần. VIB +15.4%, OCB +14.3%, SSI +10.3%, CEO +35% là các mã nổi bật trong 3 ngành dẫn dắt này.

Đà bán ròng của khối ngoại vẫn không hề giảm nhiệt trong tuần qua với 3,300 tỷ giá trị bán ròng và khoảng 1 nửa trong đó tập trung tại VPB.

## CHIẾN LƯỢC

Xu hướng tăng của thị trường trong ngắn hạn vẫn đang được duy trì dù đã có nhiều thời điểm lực bán xuất hiện áp đảo và mạnh mẽ nhưng dòng tiền bắt đáy cũng nhanh chóng tham gia. Sự dồi dào của lực mua tại vùng giá thấp trong phiên đang làm giảm đi khả năng của Kịch bản điều chỉnh sâu chúng tôi có nêu trong các tuần trước. Do vậy, vẫn rất thận trọng với sự xuất hiện của biến chủng mới, nhà đầu tư có thể sàng lọc các mã ở vùng định giá hợp lý và chia lệnh mua vào dần tại các ngưỡng hỗ trợ.

## BỐI CẢNH QUỐC TẾ

Diễn biến thực sự đáng chú ý diễn ra vào ngày thứ 6 tại thị trường Mỹ và châu Âu (sau khi giờ giao dịch của Việt Nam đóng cửa) khi lực bán tháo đã được kích hoạt với ngòi nổ là sự lo ngại về biến chủng Covid mới với tên gọi Omicron.

Trên thị trường Chứng khoán, nhóm các chỉ số tại Châu Âu gồm Euro Stoxx, DAX và CAC40 điều chỉnh mạnh nhất khi lần lượt giảm 6.1%, 5.6% và 5.2%. Các chỉ số chứng khoán Mỹ cũng có đà điều chỉnh đáng kể khoảng trên 2% trong tuần.

Trong khi đó giá dầu đã ghi nhận một phiên giảm điểm kỷ lục trên 12% và không có sự hồi phục đáng kể khi đà suy yếu của giá dầu đã được hình thành từ trước với nỗ lực tăng nguồn cung từ nhiều quốc gia lớn khi họ sử dụng kho dự trữ của mình để tăng thêm 70 triệu thùng dầu cung ứng ra nền kinh tế hằng ngày.

Tương tự, trước khi biến chủng mới của Covid xuất hiện thì các thị trường châu Á cũng đã chịu áp lực điều chỉnh từ động thái tăng lãi suất xuất phát từ Hàn Quốc dưới áp lực của lạm phát. Các chỉ số của Ấn độ đã cho thấy mức điều chỉnh sâu 4% trong tuần. Ngoại trừ Nhật Bản, hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới

đều đang chứng kiến đà tăng giá cả mạnh và thị trường đang nghiêng về khả năng có các động thái tương tự trong tương lai gần. Áp lực khi mở cửa trở lại vào thứ 2 của các thị trường châu Á đang tương đối cao.

**VN-INDEX**



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

**Nhận định**

VNINDEX có tuần tăng 2.8%, mở cửa sát tham chiếu và cao hơn mức thấp nhất tuần, đóng cửa cao hơn mở cửa và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và cao hơn trung bình.

Về diễn biến cụ thể, VNINDEX có ngày thứ hai đầu tuần giảm nhẹ với khối lượng giao dịch lớn hơn trung bình. Trong ba ngày sau giữa tuần sau đó, chỉ số chung có đà tăng mạnh và duy trì liên tục, đóng cửa ngày thứ năm đã chinh phục thành công mốc điểm 1,500. Dù vậy thì khối lượng giao dịch trong các ngày này là đều thấp và thấp hơn trung bình. Đến ngày thứ sáu cuối tuần thì chỉ số chung đã suy yếu trong buổi chiều và đóng cửa giảm nhẹ dù mở cửa tích cực, khối lượng giao dịch cả ngày gia tăng.

Trong những ngày giữa tuần mà VNINDEX tăng, ta thấy mức tăng tương đối lớn nhưng khối lượng giao dịch lại thấp, điều này có thể lý giải từ một số nguyên nhân (có thể xảy ra đơn lẻ hoặc đồng thời): (1) Dòng tiền tập trung chủ yếu ở các cổ phiếu vốn hóa lớn (số

lượng ít nhưng chiếm phần lớn vốn hóa thị trường), (2) Dòng tiền bị có phần bị rút ra khỏi nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ và vừa (chiếm đa số thị trường nhưng về mặt vốn hóa thì lại kém hơn).

Với giá trị giao dịch hiện tại (khoảng xung quanh 30,000 tỷ mỗi phiên) thì để có thể kéo nhóm vốn hóa lớn tăng mạnh như giai đoạn nửa đầu năm 2021 là khả năng khó có thể xảy ra, trong khi việc các cổ phiếu vốn hóa nhỏ và vừa sau giai đoạn tăng mạnh gần đây hứng chịu áp lực chốt lời cũng là điều có thể thấy được. Dù vậy thì dòng tiền không có dấu hiệu rời bỏ thị trường nên viễn cảnh đã được đề cập trong thời gian gần đây sẽ vẫn được duy trì: nhóm vốn hóa lớn (mà tiêu biểu là Ngân hàng) sẽ đóng vai trò hỗ trợ chỉ số chung VNINDEX trong khi nhóm vốn hóa vừa và nhỏ chịu áp lực. Nó dẫn đến kết quả là chỉ số chung có thể từ điều chỉnh giảm cho đến tình hình suy yếu.

<b>Vai trò</b>	<b>Vùng điểm của VNIndex</b>
<b>Hỗ trợ</b>	1,390 – 1,410
<b>Kháng cự</b>	1,500 – 1,520

**THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG**
**1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	45.5%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

**Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

**Các trạng thái đã cắt lỗ**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

**2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.  
 Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.  
 Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA**

**BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN**

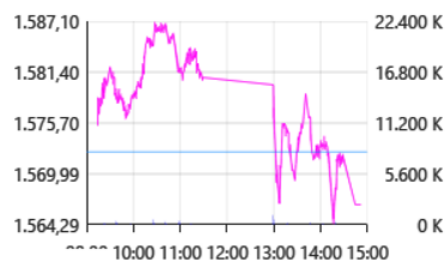
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,493.03	-0.52%	-7.78	1,060.47	35,414.5	166	36	315
Vn30 - Index	1,566.55	-0.38%	-5.91	308.28	15,162.7	7	1	22
Vn - Mid	2,070.35	-0.77%	-16.13	313.23	10,691.9	21	0	49
VN - Small	2,058.43	0.09%	1.82	247.46	5,216.8	71	10	111
HNX - Index	458.63	-0.23%	-1.04	133.68	3,700.4	82	49	208
Upcom - Index	114.15	-0.40%	-0.46	164.15	1,918.7	208	60	253

**BIẾN ĐỘNG TRONG PHIÊN**

**VN-INDEX**



**VN30**



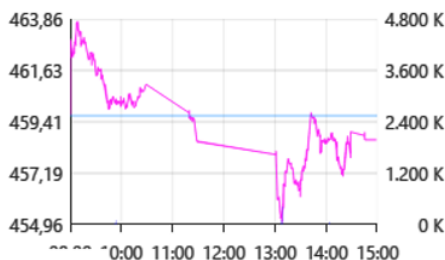
**VN-MID**



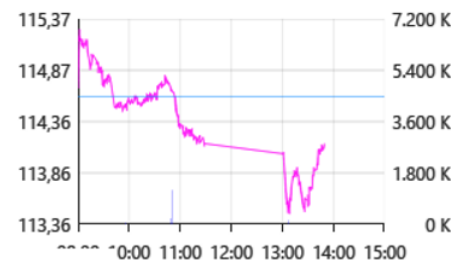
**VN-SMALL**



**HNX-INDEX**



**UPCOM**

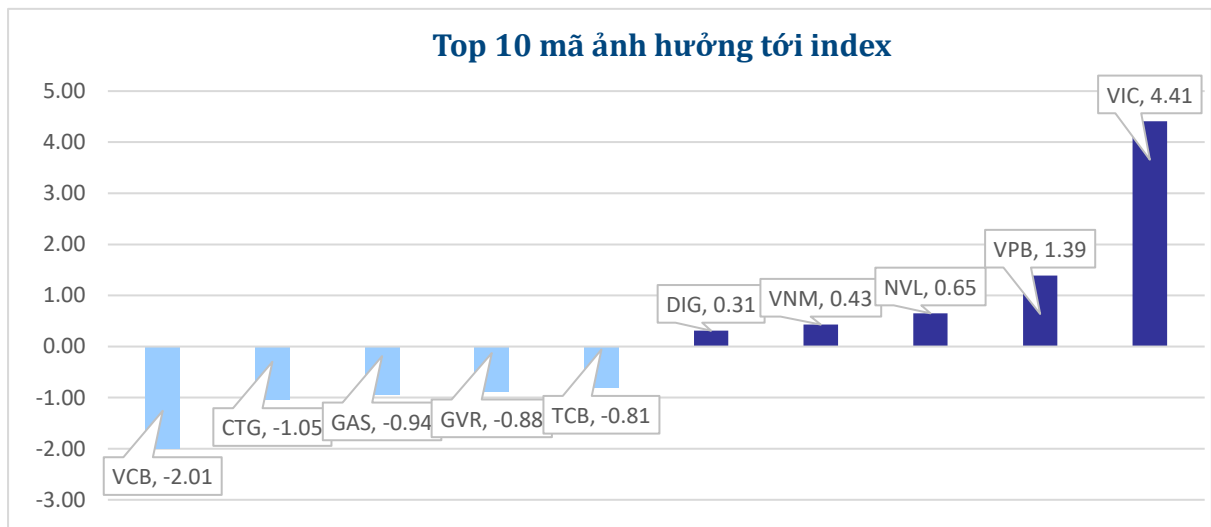


**THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN**

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	35,414.50	11.37%	1,060.47	4.56%
HNX	3,700.40	18.42%	133.68	25.44%

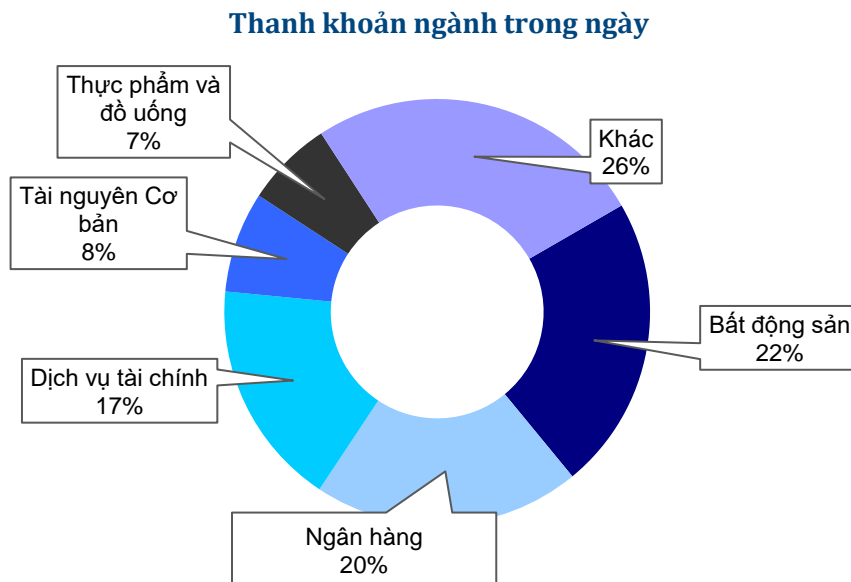


**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN**



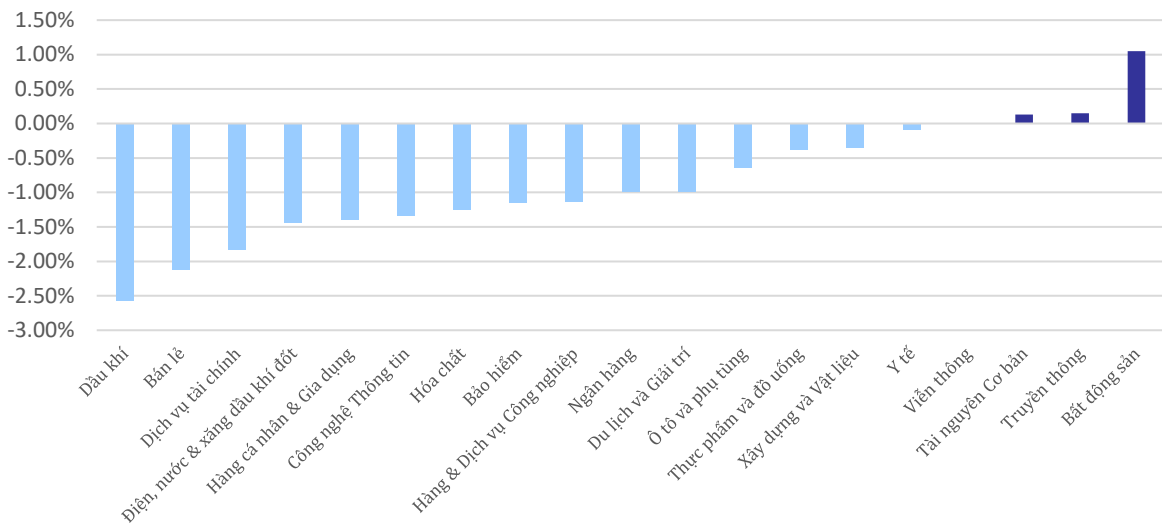
Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
VPB	44.75	VPB	1,741.2	VIC	425%	CEO	9.8%	API	-8.2%
SSI	30.83	SSI	1,674.3	VPB	275%	FCN	6.9%	ACM	-8.1%
STB	29.14	HPG	1,321.8	SJF	261%	SJF	6.9%	TGG	-6.9%
HPG	26.73	TCB	1,197.3	IDI	249%	LCG	6.9%	DST	-6.5%
ITA	23.58	VND	1,049.6	LCG	218%	IDI	6.8%	IDJ	-5.3%

**NHÓM NGÀNH**





**Biến động các nhóm ngành trong ngày**

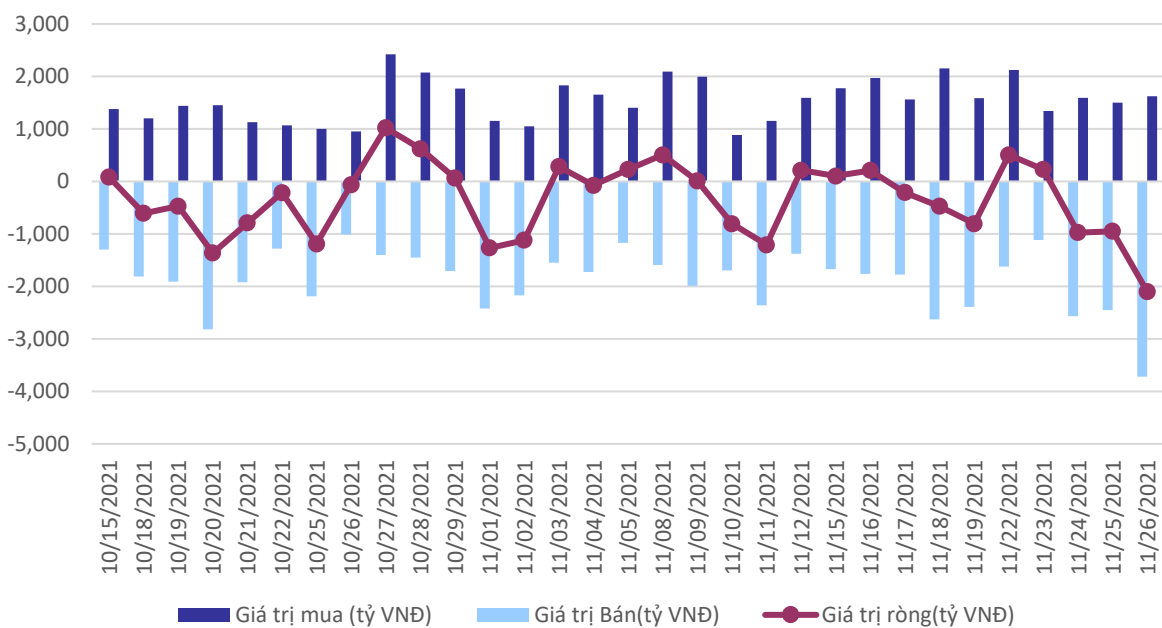


**GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI**

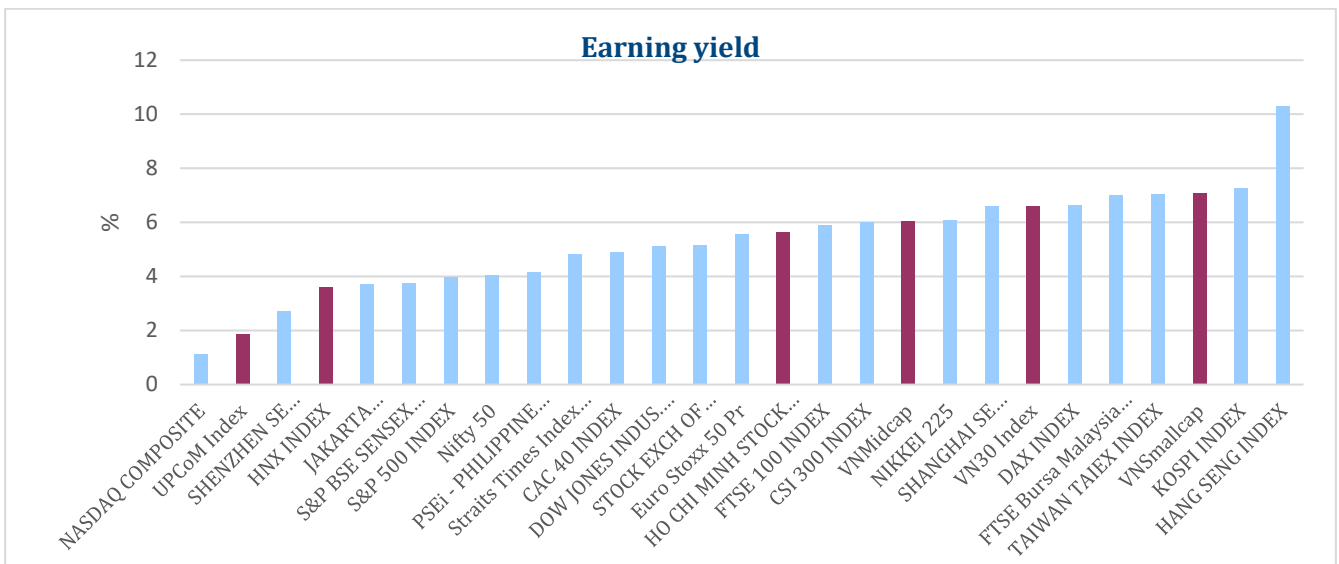
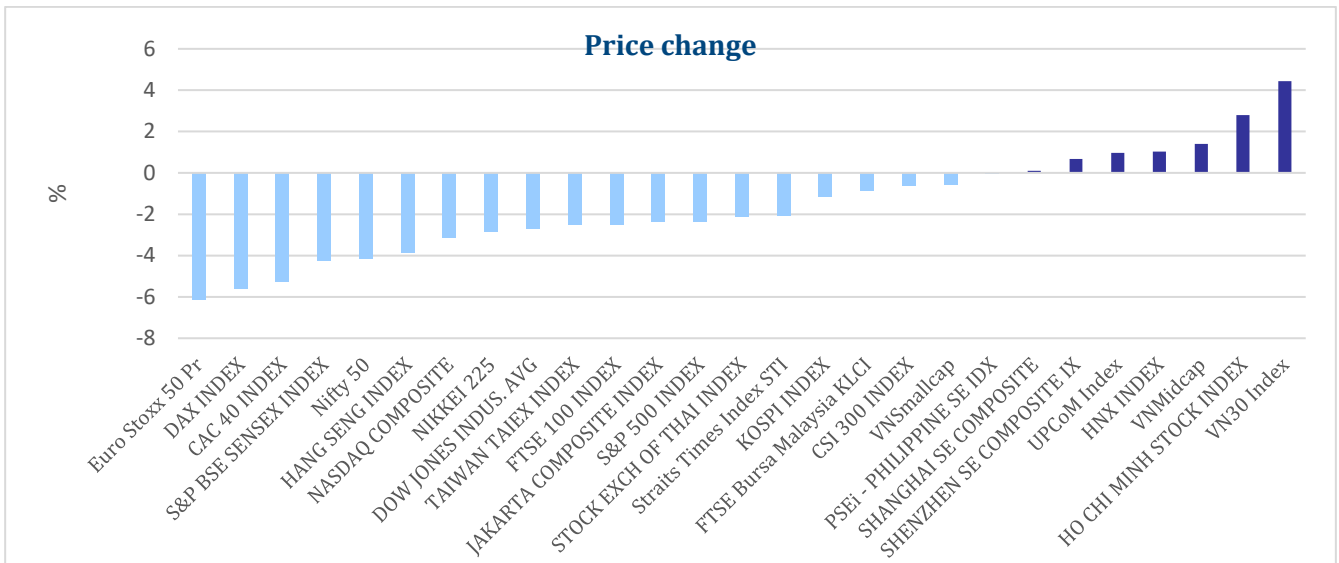
Trên HOSE bán ròng 2,098.24 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 27.45 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VNM	50.25	VPB	562.98
LPB	23.39	HPG	139.74
DCM	22.33	VND	134.48
BID	19.53	NLG	134.01
KDH	16.11	VIC	120.88

**Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE**



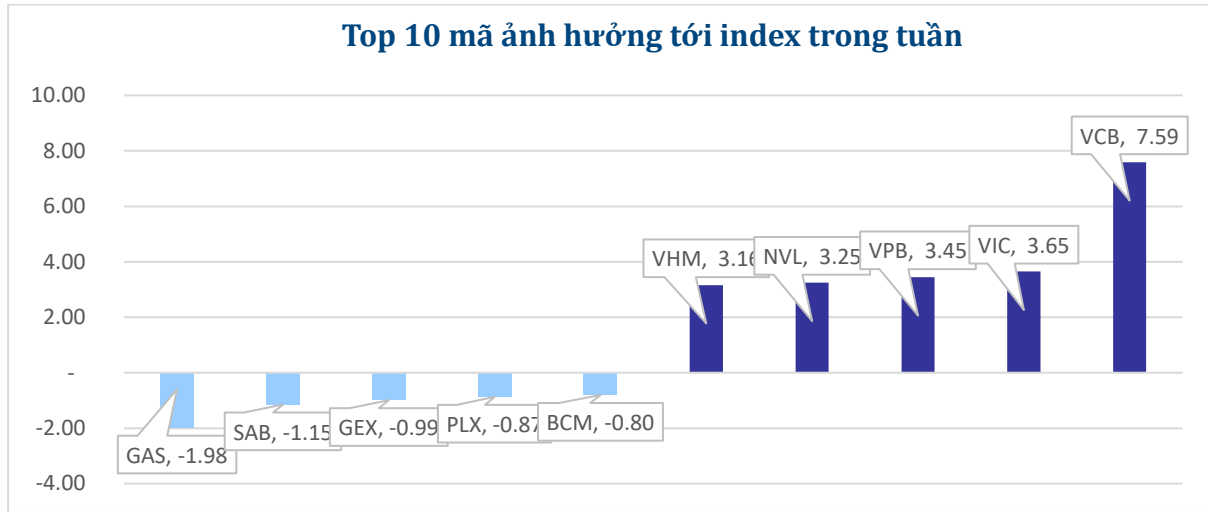
**BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN**



**ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)**

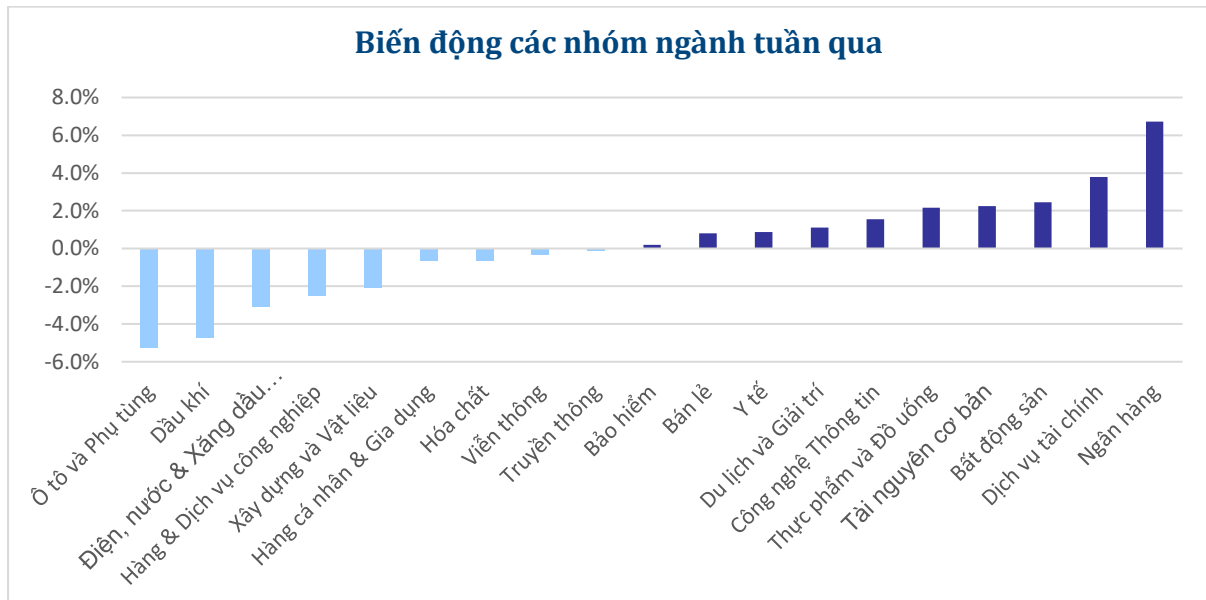


**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA**

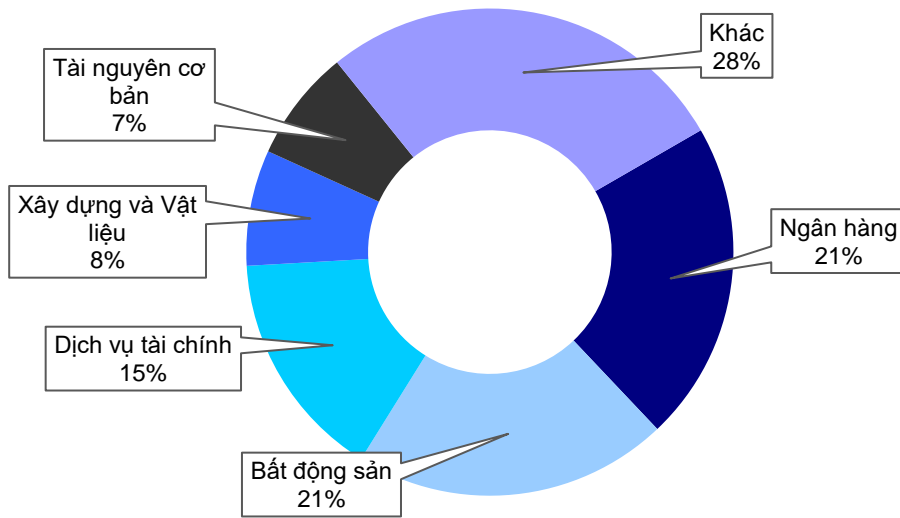


Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
STB	34.3	SSI	1,431.2	TDB	1.65x	LIC	93.0%	API	-18.4%
FLC	30.0	TCB	1,369.2	NTP	3.76x	TNI	37.7%	IDJ	-16.2%
VPB	27.6	HPG	1,118.7	LIC	3.31x	CEO	34.9%	KHB	-16.2%
SSI	27.5	VPB	1,042.1	MCG	3.13x	CMS	31.1%	KSH	-16.0%
HAG	27.4	STB	1,024.5	VIB	3.10x	SJF	31.0%	EVG	-15.4%

**NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN**



**Đóng góp thanh khoản trong tuần**

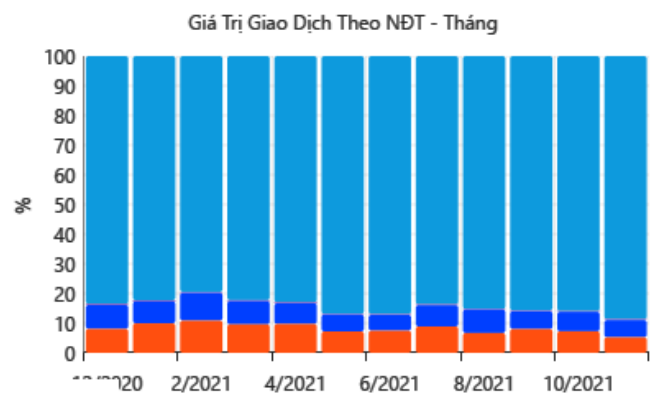
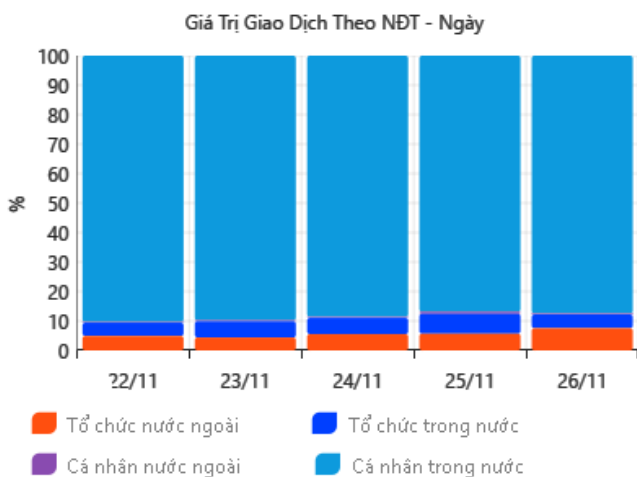


**DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG**

**GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ**

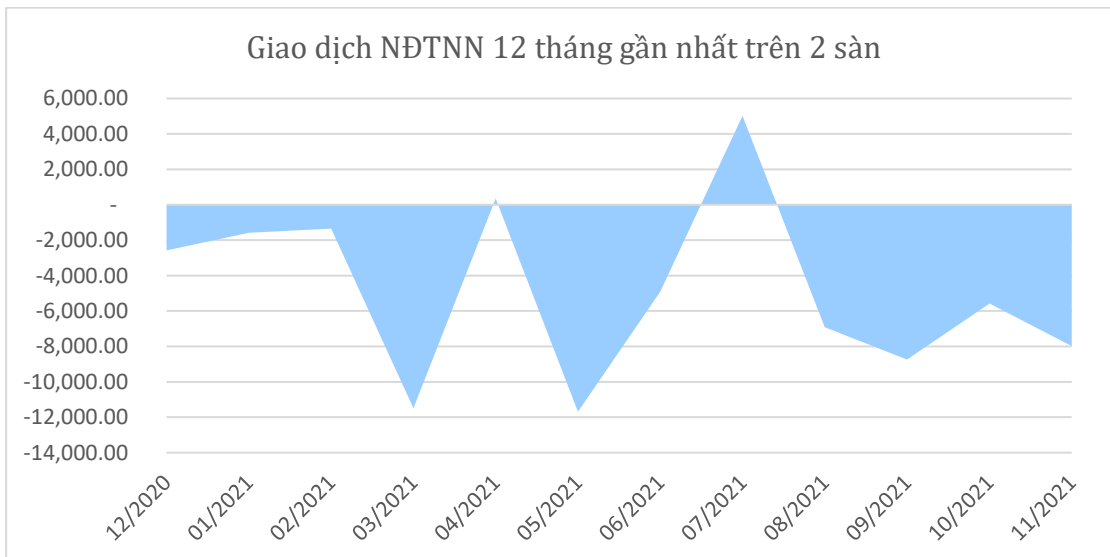
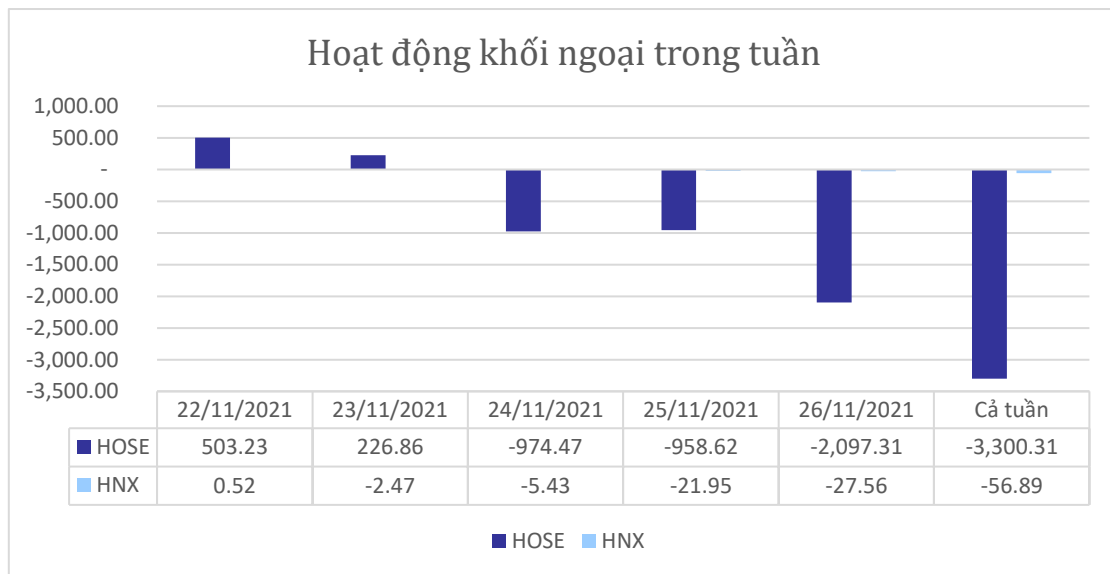
Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
TCB	3.25%	13,622.5	VPB	8.29%	3,416.7
SSI	10.31%	13,523.8	MWG	1.80%	2,267.8
HPG	2.19%	9,935.2	HPG	2.19%	1,961.0
GEX	-9.61%	9,459.8	GAB	-0.31%	1,841.3
STB	10.57%	9,261.2	VHM	3.48%	1,717.5

**Tỷ trọng giao dịch**



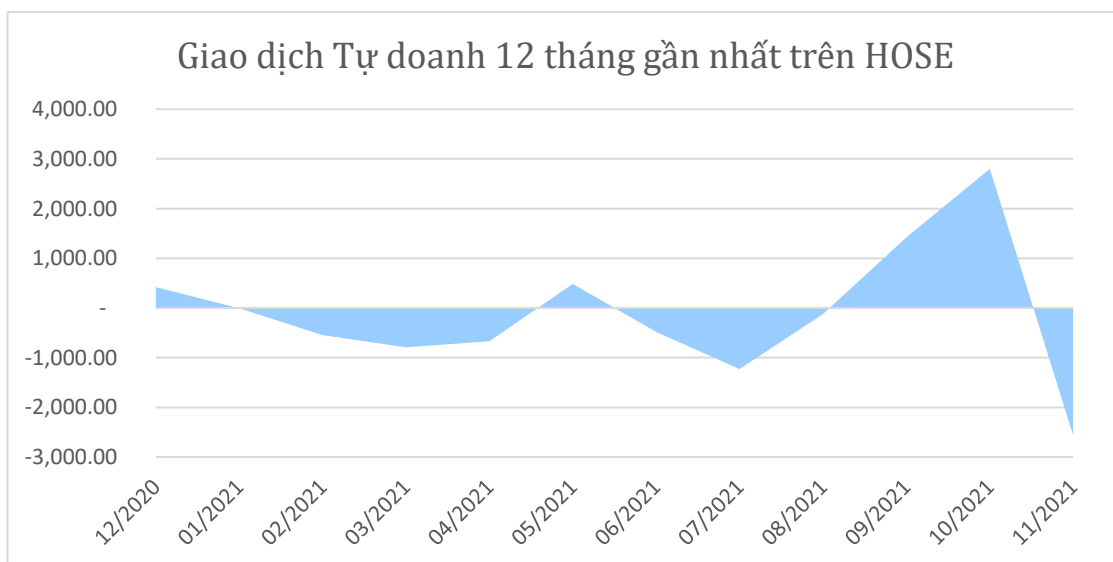
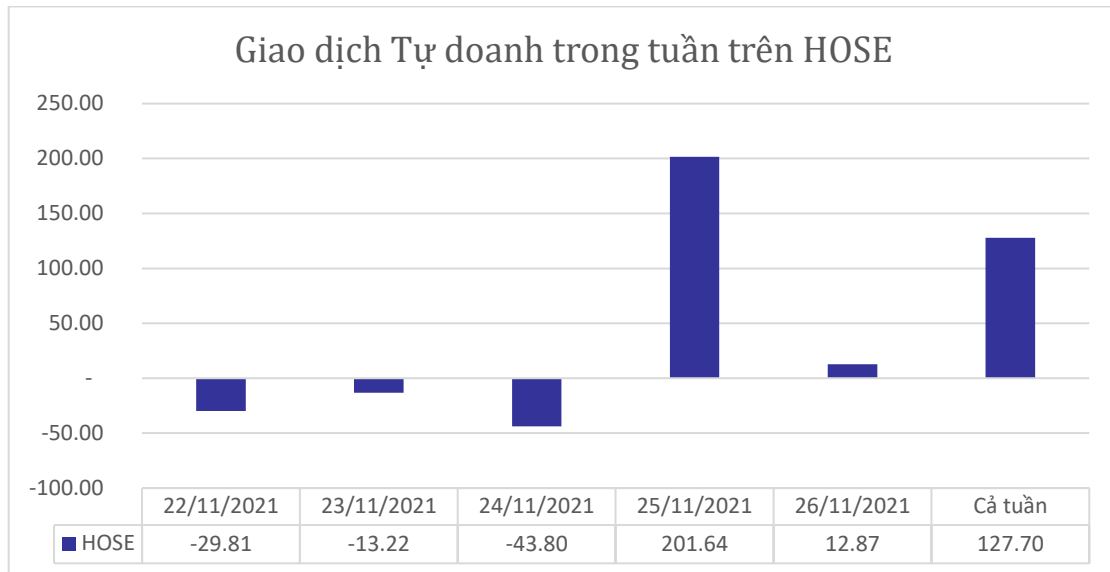
**KHỐI NGOẠI**

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
CTG	4.57%	265.27	VPB	8.29%	1,476.69
STB	10.57%	168.99	HPG	2.19%	475.50
VCB	8.14%	158.14	HCM	4.51%	385.01
KBC	-3.50%	135.26	SSI	10.31%	366.46
GMD	-0.50%	129.15	VIC	3.90%	221.49



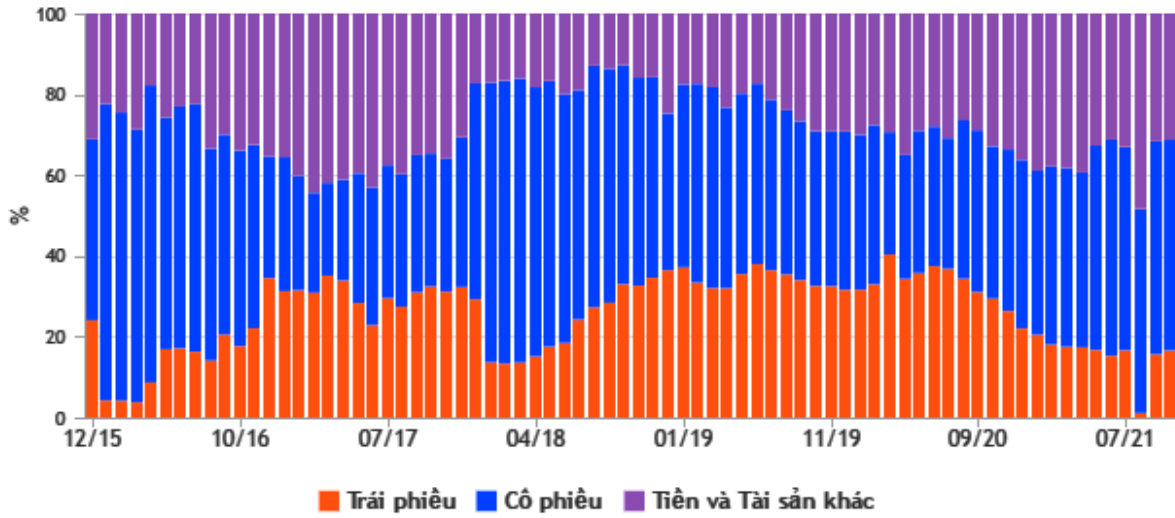
**HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH TRÊN HOSE CỦA CÁC CTCK**

Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
KDH	0.98%	173.83	VND	4.00%	175.33
E1VFN30	3.29%	157.92	MWG	1.80%	76.59
VIC	3.90%	119.25	STB	10.57%	70.49
VPB	8.29%	95.71	FPT	3.78%	69.83
MBB	7.07%	95.56	GAS	-3.77%	67.76

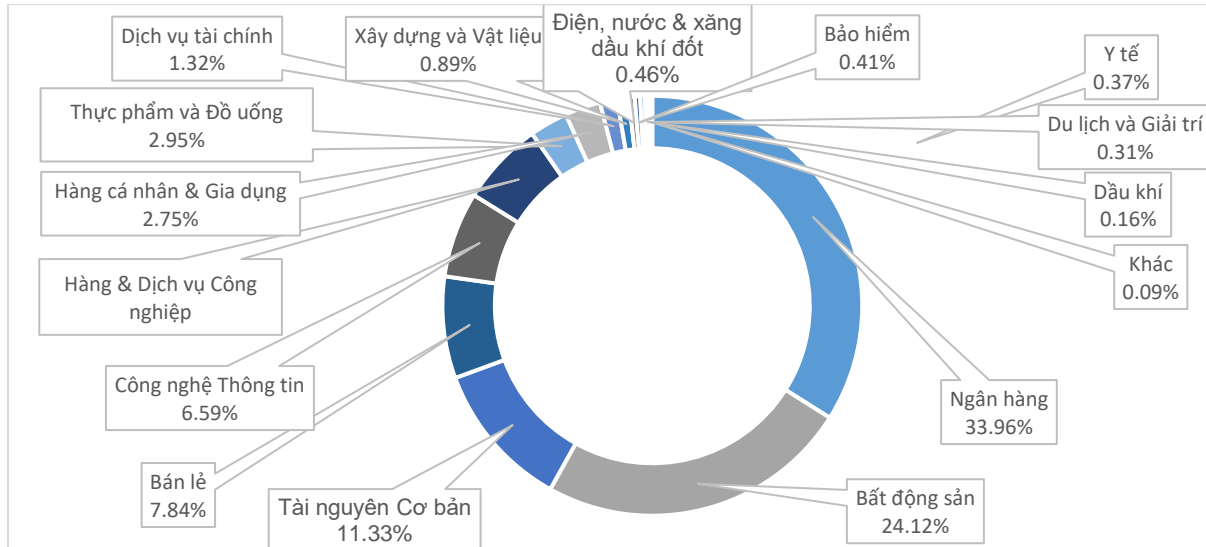


**TỔ CHỨC (40 quỹ do finpro platform theo dõi)**

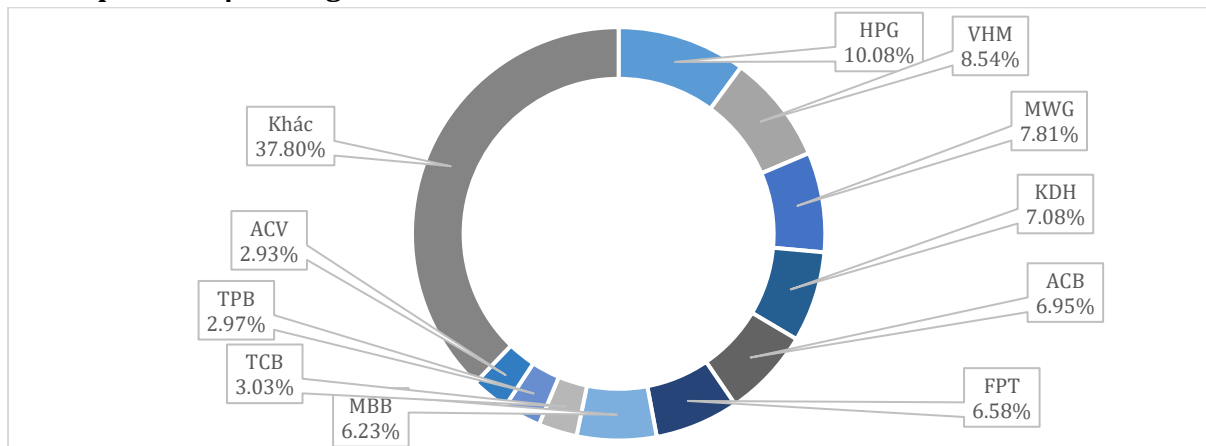
**Phân bổ tài sản**



**Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành**



**Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất**





**LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI**

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
FCM	HSX	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền (250 đ/cp), bằng cp (tỷ lệ 10:1)	29/11/21	30/11/21	14/12/21
CEN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (350đ/cp)	29/11/21	30/11/21	22/12/21
BSL	Upcom	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	29/11/21	30/11/21	29/11/21
THP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp)	29/11/21	30/11/21	20/01/22
HGC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	29/11/21	30/11/21	29/11/21
TMX	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800 đ/cp)	29/11/21	30/11/21	15/12/21
GEX	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 100:9)	29/11/21	30/11/21	29/11/21
SEP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	29/11/21	30/11/21	27/12/21
SAC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)	29/11/21	30/11/21	15/12/21
LNC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (35đ/cp)	29/11/21	30/11/21	07/12/21
QTC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)	29/11/21	30/11/21	15/12/21
CMW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (424đ/cp)	29/11/21	30/11/21	22/12/21
YBM	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (500 đ/cp)	29/11/21	30/11/21	15/12/21
SGR	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (1.500 đ/cp)	29/11/21	30/11/21	20/12/21
MCM	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	29/11/21	30/11/21	22/12/21
IPA	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	29/11/21	30/11/21	29/11/21
STK	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	29/11/21	30/11/21	29/11/21
SBA	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (1.000 đ/cp)	29/11/21	30/11/21	15/12/21
LHG	HSX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	29/11/21	30/11/21	28/12/21
CRC	HSX	Niêm yết bổ sung 15.000.000 cp		29/11/21	29/11/21
PHC	HSX	Niêm yết bổ sung 2.053.624 cp		29/11/21	29/11/21
DHM	HSX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	29/11/21	30/11/21	28/12/21
LGM	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	29/11/21	30/11/21	29/11/21
TCD	HSX	Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (tỷ lệ 1:1)	30/11/21	01/12/21	30/11/21
GHC	Upcom	Giao dịch 15.887.500 cổ phiếu ĐKGD bổ sung	30/11/21	30/11/21	30/11/21
MA1	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	30/11/21	01/12/21	15/12/21
IHK	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700đ/cp)	30/11/21	01/12/21	15/12/21
CAB	Upcom	Đại hội cổ đông bất thường năm 2021	30/11/21	01/12/21	30/11/21
SHE	HNX	Giao dịch đầu tiên 1.412.950 cổ phiếu niêm yết bổ sung			30/11/21
CLH	HNX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	30/11/21	01/12/21	15/12/21
KDC	HSX	Sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 10:1)	30/11/21	01/12/21	30/11/21
TNW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (570đ/cp)	30/11/21	01/12/21	15/12/21
SBM	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 5%)	01/12/21	02/12/21	01/12/21
AAT	HSX	Giao dịch 4.001.489 cp niêm yết bổ sung		23/11/21	01/12/21
APG	HSX	Thực hiện quyền mua cổ phiếu (tỷ lệ 1:1)	02/12/21	03/12/21	02/12/21
NAB	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 12,487%)	02/12/21	03/12/21	02/12/21
GSP	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	02/12/21	03/12/21	02/12/21
SVT	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	02/12/21	03/12/21	11/12/21

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
IDV	HNX	ĐHĐCĐ thường niên 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	02/12/21	03/12/21	04/01/22
PXI	HSX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	02/12/21	03/12/21	02/12/21
SUM	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	02/12/21	02/12/21	02/12/21
PAN	HSX	Giao dịch 3.000.000 cp niêm yết bổ sung			02/12/21
HPP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	02/12/21	03/12/21	20/01/22
BMC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			03/12/21
DPC	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	03/12/21	06/12/21	03/12/21
DRL	HSX	Chi trả tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2021 (1.500 đ/cp)	03/12/21	06/12/21	22/12/21
SGH	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	03/12/21	06/12/21	03/12/21
HVT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	03/12/21	06/12/21	24/12/21
YEG	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	03/12/21	06/12/21	03/12/21
GND	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	03/12/21	06/12/21	22/12/21
QCG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	03/12/21	06/12/21	03/12/21
LAS	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	03/12/21	06/12/21	03/12/21



**XẾP HẠNG CỔ PHIẾU**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

**XẾP HẠNG NGÀNH**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Xếp loại</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

**KHUYẾN CÁO**

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. IVS Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. IVS và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. IVS không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của IVS tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của IVS. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

**IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
<b>Võ Thế Vinh</b>	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	<a href="mailto:vinhvt@gtjas.com.vn">vinhvt@gtjas.com.vn</a>	704
<b>Đỗ Trung Nguyên</b>	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	<a href="mailto:nguyendt@gtjas.com.vn">nguyendt@gtjas.com.vn</a>	703
<b>Trần Thị Hồng Nhung</b>	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	<a href="mailto:nhungth@gtjas.com.vn">nhungth@gtjas.com.vn</a>	706
<b>Đinh Quang Đạt</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	<a href="mailto:datdq@gtjas.com.vn">datdq@gtjas.com.vn</a>	
<b>Phí Công Linh</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	<a href="mailto:linhpc@gtjas.com.vn">linhpc@gtjas.com.vn</a>	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: <a href="mailto:ivs@ivs.com.vn">ivs@ivs.com.vn</a> Website: <a href="http://www.ivs.com.vn">www.ivs.com.vn</a>	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696